

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH THẠNH
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/DS-ST

Ngày 19/02/2019

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THẠNH, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Cương Lĩnh;

Các hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Mai Thanh Bình;

2/ Bà Lê Bảo Ngân;

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thạch – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

Đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Lễ - Kiểm sát viên – Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

Ngày 19 tháng 02 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 33/2018/TLST -KDTM ngày 27 tháng 8 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2019/QĐXX-ST ngày 15 tháng 01 năm 2019 giữa:

Nguyên đơn: Ngân Hàng TMCP H

Địa chỉ: đường N, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội

Đại diện theo pháp luật: ông Huỳnh Bửu Q – Chức vụ: Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Văn H – Chức vụ: quyền Tổng giám đốc

Theo văn bản ủy quyền số 2827A/2017-GUQ-TDGDD6 ngày 11/9/2017

Ủy quyền tham gia tố tụng:

1/ Ông Võ Minh T, sinh năm 1983

2/ Ông Phạm Phong N, sinh năm 1980

Địa chỉ: đường T, phường N, Quận X, Tp Hồ Chí Minh.

Bị đơn:

1/ Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1966

2/ Bà Võ Thị T9, sinh năm 1965

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Nguyễn Minh T1, sinh năm 1990

2/ Nguyễn Minh T2, sinh năm 1987

Cùng địa chỉ: ấp H, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ

(Đại diện nguyên đơn ông N có mặt, ông T có đơn yêu cầu vắng mặt, còn lại vắng mặt không rõ lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày như sau:

Ngày 28/10/2013 Ngân Thương Mại Cổ Phần M (đã sáp nhập vào Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần H) và ông Nguyễn Ngọc T, bà Võ Thị T9 đã ký kết hợp đồng tín dụng số LD1330180439/2013/BĐ ngày 28/10/2013.

Số tiền vay gốc là: 100.000.000đ, thời hạn vay là 12 tháng, mục đích vay là nuôi bò, trồng lúa, lãi suất thỏa thuận là 14,4%/năm.

Khi vay ông T và bà T9 có thể chấp quyền sử dụng đất, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00910 do UBND huyện Vĩnh Thạnh cấp ngày 19/7/2012. Hợp đồng thế chấp có công chứng, chứng thực.

Từ khi vay đến nay ông T và bà T9 không thực hiện việc trả nợ như đã cam kết trong hợp đồng. Nay phía ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông T và bà T9 có trách nhiệm trả số tiền như sau:

- Nợ gốc 92.000.000đ;
- Nợ lãi trong hạn: 7.360.000đ;
- Nợ lãi quá hạn: 61.957.710đ;
- Lãi chậm thanh toán: 992.877đ.

Đồng thời yêu cầu lãi tiếp tục tính kể từ ngày 29/11/2017 cho đến khi ông Nguyễn Ngọc T và bà Võ Thị T9 thanh toán xong toàn bộ khoản vay.

** Phần trình bày của bị đơn ông T tại biên bản lấy lời khai ngày 18/12/2018 như sau:*

Ông T có vay của Ngân hàng số tiền vay gốc là 100.000.000đ, lãi suất được thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng là 14,4%/năm, quá hạn lãi suất bằng 150% lãi suất trong hạn. Để đảm bảo cho hợp đồng tín dụng thì vợ chồng ông và các con có ký tên để thế chấp tài sản tại thửa số 175, diện tích 2.645m², đất tọa lạc tại ấp H, xã T, huyện V, Thành phố Cần Thơ. Qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì ông đồng ý trả nợ gốc và lãi cho nguyên đơn

nhưng yêu cầu được gia hạn trong thời hạn hai tháng sẽ trả dứt điểm số nợ cho nguyên đơn, nếu không đồng ý để cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo theo qui định.

Đến ngày 18/02/2019 ông Nguyễn Ngọc T đến Tòa án để nộp đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt với lý do bận việc.

Phần trình bày của các đương sự tại phiên tòa:

- Đại diện nguyên đơn đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, trường hợp của ông T là trường hợp nợ xấu. Tính đến ngày 19/02/2019 thì bị đơn ông T và bà T9 còn nợ của nguyên đơn số tiền vay cụ thể là:

- Gốc là: 92.000.000đ

- Lãi trong hạn: 7.360.000đ

- Lãi quá hạn: 86.348.548đ

- Lãi phạt chậm trả là: 7.434.731đ.

Tổng cộng gốc và lãi là: 193.143.279đ

Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng qui định của pháp luật trong hoạt động tố tụng, chứng cứ thu thập đầy đủ. Các đương sự cũng chấp hành đúng qui định của pháp luật.

- Về nội dung: yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận, tuy nhiên đối với phần yêu cầu về lãi phạt chậm trả như nguyên đơn yêu cầu là lãi chồng lãi, nên đề nghị không chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định đây là quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập các đương sự lên hòa giải nhưng bị đơn không đến tham gia nên không thể tiến hành hòa giải được, do đó phải đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn bà T9 và các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông T1, ông T2 vắng mặt lần thứ 2 không rõ lý do, ông T có đơn yêu cầu vắng mặt. Nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự có đủ cơ sở để xét xử vắng mặt các đương sự này.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn ông T và bà T9 cùng có trách nhiệm trả số nợ gốc và lãi tính đến ngày 19/02/2019 tổng cộng là 193.143.279đ. Trong đó, nợ gốc là 92.000.000đ, lãi trong hạn là 7.360.000đ, lãi quá hạn là

86.348.548đ, lãi chậm trả là 7.434.731đ, là có căn cứ chấp nhận. Bởi việc vay của các đương sự được thể hiện trong hợp đồng tín dụng số LD 1330180439/2013/HĐHM – MDB, ngày 28/10/2013, bị đơn ông T trong quá trình giải quyết thừa nhận có vay của nguyên đơn số tiền như nguyên đơn yêu cầu. Tuy nhiên, đối với khoản yêu cầu bị đơn có trách nhiệm trả lãi phạt chậm trả là 7.434.731đ. Hội đồng xét xử thấy số tiền lãi phạt chậm thanh toán này trùng với số tiền lãi mà nguyên đơn đã tính cho bị đơn nên Hội đồng xét xử không tính để buộc bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn.

[2.2] Về xử lý tài sản đảm bảo: để đảm bảo cho hợp đồng vay, phía bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có thể chấp quyền sử dụng đất tại thửa số 175, tờ bản đồ số 05, diện tích là 2.645m², theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00910, cấp ngày 13/07/2012, đất tọa lạc tại ấp H, xã T, huyện V, Tp Cần Thơ, do ông Nguyễn Ngọc T đại diện hộ đứng tên. Việc thế chấp đã được các bên xác nhận, đã được đăng ký thế chấp với cơ quan có thẩm quyền, phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, nếu bị đơn không trả số nợ, nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản ưu tiên thanh toán nợ.

[3] Về án phí và chi phí thẩm định tại chỗ: Lỗi là của bị đơn nên bị đơn phải chịu án phí và chi phí thẩm định tại chỗ. Bị đơn có đơn yêu cầu giảm miễn án phí, có xác nhận của chính quyền địa phương thuộc trường hợp hoàn cảnh kinh tế khó khăn. Do đó, Hội đồng xét giảm 50% án phí cho bị đơn theo qui định.

[4] Lời phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định và quyết định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 4, 5, 6, 11, 14, 26, 35, 147, 207, 227, 228, 262, 264, 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Điều 357, 463, 466, 468, 469, 470 Bộ luật dân sự năm 2015.

Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam.

Buộc ông Nguyễn Ngọc T và bà Võ Thị T9 cùng có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền vay tổng cộng tính đến ngày 19/02/2019 là 185.708.548đ (Một trăm tám mươi lăm triệu, bảy trăm lẻ tám ngàn, năm trăm bốn mươi tám đồng).

Kể từ ngày 20/02/2019 nếu bị đơn chậm trả số tiền trên còn phải chịu lãi suất tiếp theo tính trên số tiền nợ gốc của số tiền vay, theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số LD 1330180439/2013/HĐHM – MDB, ngày 28/10/2013 các bên đã ký kết, trừ phần tiền lãi phạt chậm thanh toán.

Về án phí dân sự sơ thẩm: bị đơn phải nộp số tiền là 2.105.000đ (hai triệu một trăm lẻ năm ngàn đồng) đã xem xét giảm 50% án phí do có đơn thuộc trường hợp có hoàn cảnh kinh tế khó khăn.

Ngân hàng TMCP H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 4.057.000đ (*Bốn triệu, không trăm năm mươi bảy ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền số AB/2013/009829, ngày 22/08/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh, Tp Cần Thơ.

Về chi phí thẩm định giá: Các khoản hết 2.000.000đ (hai triệu đồng), nguyên đơn đã tạm ứng và chi xong. Lỗi lẽ của bị đơn nên buộc phải nộp để chuyển trả cho nguyên đơn.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án. Riêng các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án (trích sao án), để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND TP Cần Thơ;
- VKS huyện;
- Thi hành án dân sự;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Cương Lĩnh